TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do –Hạnh phúc

Bản án số: 07/2026/HNGĐ-ST
Ngày 29/01/2026
(Tranh chấp ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14-ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Th
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Xuân Đ
Bà Phan Thị Ngọc L

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn T– Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Như Mai Tr- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 174/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2025 về việc *"Ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 và quyết định hoãn phiên toà số: 05/QĐHPT ngày 23/01/2026 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân Q, sinh năm 2001 (có đơn xin giải quyết vắng mặt)
Nơi cư trú : Tổ 5, ấp Thuận Phú 1, xã Thuận Lợi, tỉnh Đồng Nai

Bị đơn : Ông Lê Tuấn K, sinh năm 1993 (vắng mặt)
Nơi cư trú : Tổ 5, thôn Lộc Thuận 10, xã Lộc Ninh, tỉnh Đồng Nai
Địa chỉ liên hệ : số 24, Phạm Ngọc Thạch, xã Lộc Ninh, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Xuân Q và ông Lê Tuấn K tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2024 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước cũ. Trước khi chung sống có thời gian quen nhau 03 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại tổ 5, ấp Thuận Phú 1, xã Thuận Lợi, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11/2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2024 cho đến nay .

Hiện nay vợ chồng không thể chung sống với nhau nữa nên bà Quý làm đơn xin ly hôn với ông Lê Tuấn K .

- Về con chung : Vợ chồng có con chung 01 con tên Lê Ngọc Ch, sinh ngày 03/02/2025, hiện nay con đang ở với bà Quý tại tổ 5, ấp Thuận Phú 1, xã Thuận Lợi, tỉnh Đồng Nai, khi ly hôn bà Quý nhận nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con bà Quý không yêu cầu ông Kiệt cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra chúng tôi không nhận ai làm con nuôi, hiện nay bà Quý không có thai .

- Về tài sản : Vợ chồng không có tài sản chung .

- Về nợ : Hiện nay vợ chồng không nợ ai, và vợ chồng cũng không cho ai vay nợ.

Bị đơn ông Lê Tuấn K trình bày:

Toà án đã triệu tập ông Kiệt nhưng ông Kiệt không hợp tác làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đồng Nai phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành.

- Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 14 không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân Q.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Xuân Q được ly hôn với ông Lê Tuấn K .

+ Về con chung : Vợ chồng có con chung 01 con tên Lê Ngọc Ch, sinh ngày 03/02/2025, khi ly hôn bà Quý nhận nuôi con không yêu cầu ông Kiệt cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử ghi nhận.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

+ Về án phí các đương sự chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Xuân Q có đơn khởi kiện ly hôn với ông Lê Tuấn K tại Tòa án nhân dân khu vực 14 – Đồng Nai để giải quyết theo thẩm quyền. Xét thấy ông Lê Tuấn K có nơi cư trú tại Tổ 5, ấp 10, xã Lộc Thuận, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước cũ (nay là tổ 5, thôn Lộc Thuận 10, xã Lộc Ninh, tỉnh Đồng Nai) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 -Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị Xuân Q và ông Lê Tuấn K tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2024 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước cũ là hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện thì bà Nguyễn Thị Xuân Q thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11/2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, cuộc sống không hạnh phúc, hiện nay vợ chồng đã ly thân từ tháng 11 năm 2024 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết ông Lê Tuấn K đã được Toà án triệu tập nhưng không đến Toà án làm việc là từ bỏ quyền lợi của mình, bà Nguyễn Thị Xuân Q cương quyết xin ly hôn với ông Lê Tuấn K .

Như vậy, xét tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Xuân Q và ông Lê Tuấn K đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà Nguyễn Thị Xuân Q được ly hôn với ông Lê Tuấn K .

+ *Về con chung:* Bà Nguyễn Thị Xuân Q và ông Lê Tuấn K có 01 con tên Lê Ngọc Ch, sinh ngày 03/02/2025, khi ly hôn bà Quý nhận nuôi con không yêu cầu ông Kiệt cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay con còn nhỏ cần giao cho bà Quý chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con bà Quý không yêu cầu ông Kiệt cấp dưỡng nuôi con cần ghi nhận .

+ *Về tài sản chung:* Vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ *Về nợ chung:* Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng và không yêu cầu gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy; bà Nguyễn Thị Xuân Q phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng).*

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đồng Nai là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng : Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a, b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự .

- Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân Q.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Xuân Q được ly hôn với ông Lê Tuấn K.

Về con chung: Giao con tên Lê Ngọc Ch, sinh ngày 03/02/2025 cho bà Nguyễn Thị Xuân Q, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, bà Quý không yêu cầu ông Kiệt cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung

Về nợ chung: Không có.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí : Bà Nguyễn Thị Xuân Q phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 14, tỉnh Đồng Nai theo biên lai thu tiền số: 0006801 ngày 06/11/2025.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương, để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

<u>Nơi nhận</u> :
-TAND tỉnh Đồng Nai
-VKS khu vực 14
- Các đương sự.
- Phòng THA khu vực 14
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Th